

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 76/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... 5717 ... Ngày: ... 17/7 ...

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Điều 1. Vị trí và chức năng

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

1. Trình Chính phủ các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, dự thảo nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Bộ đã được phê duyệt và các nghị quyết, dự án, đề án theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm và các dự án, công trình quan trọng quốc gia về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ phát triển các lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch; dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ hoặc theo phân công.

3. Trình Thủ tướng Chính phủ Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật và các danh hiệu vinh dự Nhà nước thuộc lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch; quyết định thành lập các Hội đồng quốc gia về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; công nhận các ngày kỷ niệm, ngày truyền thống và ngày hưởng ứng của Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4. Ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch và các dự án, công trình quan trọng quốc gia đã được ban hành hoặc phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

6. Về di sản văn hoá:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định:

- Thành lập bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

- Xếp hạng và điều chỉnh khu vực bảo vệ đối với di tích quốc gia đặc biệt;

- Phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ và đồ án quy hoạch tổng thể di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có quy mô đầu tư lớn;

- Đề nghị Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận Di sản văn hoá và thiên nhiên tiêu biểu của Việt Nam là Di sản thế giới;

- Phương án xử lý đối với tài sản là di sản văn hóa theo quy định của pháp luật;

- Công nhận bảo vật quốc gia và cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản;

b) Quyết định theo thẩm quyền:

- Thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia; hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy hoạch bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá sau khi được Chính phủ phê duyệt;

- Thỏa thuận chủ trương lập, thẩm định dự án tu bổ di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; thẩm định dự án cải tạo, xây dựng công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt theo quy định của pháp luật; cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề, chứng chỉ hành nghề cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo thẩm quyền;

- Xếp hạng di tích quốc gia, bảo tàng hạng I, điều chỉnh khu vực bảo vệ đối với di tích quốc gia; đưa di sản văn hoá phi vật thể vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia; giao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cho bảo tàng nhà nước có chức năng theo quy định của pháp luật; xác nhận điều kiện đối với việc thành lập bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành; thỏa thuận xếp hạng bảo tàng hạng II, hạng III theo quy định của pháp luật;

- Cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ; cấp phép đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản; cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Hướng dẫn thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, điều kiện thành lập và hoạt động của cơ sở giám định cổ vật;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng cơ chế chính sách huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá;

- Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

7. Về nghệ thuật biểu diễn:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy hoạch các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước về nghệ thuật biểu diễn sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Quy định về quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và trình diễn thời trang; quy định về tổ chức cuộc thi và liên hoan biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

c) Quy định về tổ chức hoạt động thi hoa hậu, người đẹp, người mẫu;

d) Hướng dẫn việc cấp thẻ hành nghề và cấp phép biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật;

đ) Quy định việc thẩm định, cấp phép chương trình, tiết mục, vở diễn của các tổ chức, cá nhân Việt Nam đi biểu diễn ở nước ngoài và của các tổ chức, cá nhân nước ngoài biểu diễn tại Việt Nam;

e) Quy định về quản lý phát hành băng, đĩa có nội dung ca, múa nhạc và sân khấu.

8. Về điện ảnh:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển ngành điện ảnh sau khi được phê duyệt;

b) Quy định việc tổ chức liên hoan phim quốc gia và quốc tế, những ngày phim nước ngoài tại Việt Nam và những ngày phim Việt Nam ở nước ngoài;

c) Quản lý việc lưu chiếu, lưu trữ phim và các tư liệu, hình ảnh động được sản xuất trong nước; lưu chiếu, lưu trữ phim nước ngoài được phổ biến, phát hành tại Việt Nam;

d) Quy định về việc cấp phép phổ biến phim, video-art; cho phép cơ sở sản xuất phim trong nước cung cấp dịch vụ làm phim, hợp tác, liên doanh với tổ chức, cá nhân nước ngoài sản xuất phim tại Việt Nam.

9. Về mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển ngành mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm và quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng quốc gia sau khi được Chính phủ phê duyệt;

b) Thực hiện quản lý nhà nước về biểu tượng văn hóa quốc gia theo quy định của pháp luật;

c) Quy định về quản lý hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, nghệ thuật sắp đặt, tổ chức trại sáng tác mỹ thuật và nhiếp ảnh tại Việt Nam;

d) Quy định việc tổ chức và trực tiếp tổ chức trưng bày, triển lãm tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh quy mô quốc gia, quốc tế;

đ) Thành lập Hội đồng chuyên ngành thẩm định nghệ thuật và dự toán công trình mỹ thuật theo quy định.

10. Về quyền tác giả, quyền liên quan:

a) Ban hành, hướng dẫn việc thực hiện các văn bản pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Quy định việc cung cấp, hợp tác, đặt hàng, sử dụng và đảm bảo quyền tác giả đối với tác phẩm, quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng;

d) Quản lý, khai thác các quyền tác giả đối với tác phẩm thuộc sở hữu Nhà nước;

đ) Quản lý hoạt động cấp, cấp lại, đổi, huỷ bỏ Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan;

e) Xây dựng biểu giá, phương thức thanh toán nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất về quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý hoạt động giám định về quyền tác giả, quyền liên quan.

11. Về thư viện:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới thư viện sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Hướng dẫn việc hợp tác, trao đổi sách, báo, tài liệu với nước ngoài và việc liên thông sách, báo, tài liệu giữa các thư viện;

c) Hướng dẫn điều kiện thành lập và hoạt động thư viện; hướng dẫn cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện đối với thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.

12. Về quảng cáo:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về quảng cáo theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch quảng cáo ngoài trời tại địa phương;

c) Thẩm định sản phẩm quảng cáo theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

13. Về văn hoá quần chúng, văn hóa dân tộc và tuyên truyền cổ động:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy định về đón tiếp khách quốc tế, lễ kỷ niệm, tang lễ và các nghi thức khác theo phân công của Chính phủ;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy hoạch về thiết chế văn hoá cơ sở sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện nội dung tuyên truyền cổ động về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thông qua hoạt động văn hoá, văn nghệ, cổ động trực quan;

d) Thực hiện quản lý nhà nước, hướng dẫn việc sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật;

đ) Quy định việc tổ chức liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, tổ chức hoạt động văn hoá; quản lý hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hoá và vui chơi giải trí nơi công cộng;

e) Quản lý hoạt động lễ hội; quy định, hướng dẫn về tổ chức việc cưới, việc tang, xây dựng lối sống và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”;

g) Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách về bảo tồn, phát huy, phát triển các giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

h) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách văn hóa dân tộc.

14. Về văn học:

a) Phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng và hướng dẫn, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về hoạt động văn học sau khi được Chính phủ phê duyệt;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện và kiểm tra hoạt động văn học;

c) Tham gia ý kiến thẩm định tác phẩm văn học theo yêu cầu của tổ chức và cá nhân;

d) Phối hợp tổ chức trại sáng tác văn học nghệ thuật.

15. Về gia đình:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình;

c) Tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống, cách ứng xử trong gia đình;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng tiêu chí gia đình văn hóa;

đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình; xây dựng, nhân rộng mô hình gia đình điển hình tiên tiến thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao.

16. Về thể dục, thể thao cho mọi người:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch và các chương trình quốc gia phát triển thể dục, thể thao sau khi được Chính phủ phê duyệt;

b) Tổ chức, chỉ đạo việc xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục, thể thao quần chúng; tuyên truyền, hướng dẫn các phương pháp luyện tập thể dục, thể thao; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cộng tác viên thể dục, thể thao cơ sở;

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các địa phương điều tra thể chất nhân dân; hướng dẫn, áp dụng và phát triển các môn thể thao dân tộc, các phương pháp rèn luyện sức khỏe truyền thống ở trong và ngoài nước;

d) Chỉ đạo tổ chức thi đấu thể thao quần chúng ở cấp quốc gia;

đ) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn, tổ chức thực hiện về giáo dục thể chất, thể thao trong nhà trường và thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang nhân dân;

e) Hướng dẫn việc đăng ký hoạt động của các câu lạc bộ, cơ sở thể dục, thể thao quần chúng và câu lạc bộ cổ động viên.

17. Về thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức đại hội thể dục, thể thao toàn quốc, đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển thể thao thành tích cao và định hướng phát triển thể thao chuyên nghiệp sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy định về chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao;

d) Cho phép tổ chức giải vô địch từng môn thể thao khu vực, châu lục và thế giới tại Việt Nam; tổ chức giải thi đấu vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao; quy định quản lý các hoạt động thể thao quốc tế tổ chức tại Việt Nam; phê duyệt điều lệ đại hội thể dục, thể thao toàn quốc; quy định cụ thể về quyền sở hữu đối với giải thể thao thành tích cao và giải thể thao chuyên nghiệp;

đ) Ban hành tiêu chuẩn và hướng dẫn phong cấp vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao; công nhận phong cấp của các tổ chức thể thao quốc tế đối với vận động viên, huấn luyện viên và trọng tài thể thao Việt Nam theo quy định của pháp luật;

e) Quy định quản lý việc chuyển nhượng vận động viên, tuyển chọn vận động viên vào các đội tuyển thể thao quốc gia; quy định trình tự, thủ tục thành lập đoàn thể thao quốc gia và đội tuyển thể thao quốc gia từng môn;

g) Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo, huấn luyện đối với vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao;

h) Hướng dẫn, đăng ký hoạt động của các cơ sở tập luyện thể thao chuyên nghiệp.

18. Về tài nguyên du lịch và quy hoạch du lịch:

a) Hướng dẫn, tổ chức hiện quy hoạch tổng thể phát triển ngành, vùng du lịch, địa bàn du lịch trọng điểm, khu du lịch quốc gia sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Ban hành Quy chế việc điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch; quy định về bảo vệ, tôn tạo, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch và môi trường du lịch trong khu du lịch, điểm du lịch quốc gia.

19. Về khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ công nhận khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và tuyến du lịch quốc gia;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc phân loại, công nhận khu du lịch, điểm du lịch và tuyến du lịch địa phương;

c) Ban hành Quy chế quản lý khu du lịch thuộc ranh giới hành chính từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

20. Về hướng dẫn du lịch:

a) Quản lý, kiểm tra, giám sát việc cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch thống nhất trên toàn quốc;

b) Quy định, hướng dẫn về điều kiện, thủ tục, hồ sơ cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch.

21. Về kinh doanh du lịch:

a) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về kinh doanh lữ hành, lưu trú du lịch, kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch và dịch vụ du lịch khác;

b) Quy định tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch, tàu thủy du lịch, cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cho cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch; quyết định xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch từ 3 sao trở lên và hạng cao cấp.

22. Về xúc tiến du lịch:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình xúc tiến du lịch quốc gia trong nước và nước ngoài; điều phối các hoạt động xúc tiến du lịch liên vùng, liên địa phương;

b) Hướng dẫn thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện du lịch Việt Nam ở nước ngoài; hướng dẫn thành lập văn phòng đại diện du lịch nước ngoài tại Việt Nam;

c) Xây dựng và hướng dẫn sử dụng, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu du lịch quốc gia.

23. Về hợp tác quốc tế:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Trung tâm văn hoá Việt Nam ở nước ngoài và cho phép thành lập cơ sở văn hoá nước ngoài tại Việt Nam;

b) Hướng dẫn thành lập và quản lý hoạt động của Trung tâm văn hoá Việt Nam ở nước ngoài, cơ sở văn hoá của nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao triển khai việc cử Tùy viên văn hoá tại một số nước, phối hợp quản lý việc thực hiện nhiệm vụ của Tùy viên văn hoá tại các địa bàn;

d) Chủ trì, phối hợp tổ chức các sự kiện, hội chợ, hội thảo, triển lãm, chương trình hoạt động đối ngoại về văn hoá, gia đình, thể thao và du lịch ở quy mô quốc gia và quốc tế nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.

24. Về công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

a) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch đào tạo nhân lực ngành văn hoá, gia đình, thể thao và du lịch và cơ chế, chính sách đặc thù trong đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ tài năng các lĩnh vực năng khiếu nghệ thuật, thể thao, phụ cấp ngành chuyên biệt đối với giảng viên, giáo viên, huấn luyện viên, đào tạo viên, học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện văn hoá nghệ thuật, thể dục, thể thao và du lịch;

b) Kiểm tra các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch bảo đảm các điều kiện về thành lập, nâng cấp, hoạt động giáo dục, mở ngành đào tạo; thực hiện quy chế tuyển sinh, đào tạo, liên kết đào tạo; quản lý, cấp phát bằng, chứng chỉ;

c) Chỉ đạo việc xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình đào tạo và thống nhất quản lý nội dung chương trình giảng dạy về văn hoá nghệ thuật, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; ban hành quy định quản lý hoạt động dạy năng khiếu nghệ thuật, thể thao của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tại Việt Nam;

d) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực ngành văn hoá, gia đình, thể thao và du lịch.

25. Về quản lý nhà nước các tổ chức thực hiện dịch vụ công thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch:

a) Xây dựng, trình Chính phủ cơ chế, chính sách cung ứng dịch vụ công, xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch;

b) Ban hành tiêu chí cụ thể về phân loại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch;

c) Quản lý và chỉ đạo đối với các tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.

26. Về quản lý nhà nước đối với hoạt động của các hội và tổ chức phi Chính phủ trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch:

a) Hướng dẫn, tạo điều kiện để hội, tổ chức phi Chính phủ tham gia xây dựng các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch;

b) Xử lý, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của hội, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch theo quy định của pháp luật.

27. Cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tổ chức các hoạt động văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch ở Việt Nam; cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu văn hoá phẩm theo quy định của pháp luật.

28. Quyết định phê duyệt và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

29. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi mê tín, hủ tục, văn hoá phẩm đồi trụy và các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

30. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch theo quy định của pháp luật.

31. Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch viên chức thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ được phân công, phân cấp quản lý sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ; xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch công chức thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ được phân công, phân cấp quản lý để Bộ Nội vụ ban hành; ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ cụ thể của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ quản lý thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

32. Thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

33. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch thuộc thẩm quyền của Bộ; thanh tra, kiểm tra trong việc thực hiện phân cấp quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

34. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của Bộ theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch; thực hiện phân công, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc; trình Chính phủ quyết định việc phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về các lĩnh vực thuộc Bộ quản lý cho chính quyền địa phương; chỉ đạo việc thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý; cải cách thủ tục hành chính; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Bộ.

35. Tổ chức chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

36. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; quyết định luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, nghỉ hưu, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ chính sách, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

37. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

38. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Bộ

1. Vụ Thư viện.
2. Vụ Văn hoá dân tộc.
3. Vụ Gia đình.
4. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
5. Vụ Kế hoạch, Tài chính.
6. Vụ Tổ chức cán bộ.
7. Vụ Thi đua, Khen thưởng.
8. Vụ Đào tạo.
9. Vụ Pháp chế.
10. Thanh tra Bộ.
11. Văn phòng Bộ (có đại diện của Văn phòng Bộ tại thành phố Đà Nẵng).
12. Cục Công tác phía Nam.
13. Cục Di sản văn hóa.
14. Cục Nghệ thuật biểu diễn.
15. Cục Điện ảnh.
16. Cục Bản quyền tác giả.
17. Cục Văn hoá cơ sở.

18. Cục Hợp tác quốc tế.
19. Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm.
20. Tổng cục Thể dục thể thao.
21. Tổng cục Du lịch.
22. Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.
23. Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.
24. Báo Văn hoá.
25. Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật.
26. Trung tâm Công nghệ thông tin.
27. Trường Cán bộ quản lý văn hóa, thể thao và du lịch.

Các đơn vị quy định từ Khoản 1 đến Khoản 22 Điều này là các tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các đơn vị quy định từ Khoản 23 đến Khoản 27 Điều này là các đơn vị sự nghiệp phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thể dục thể thao, Tổng cục Du lịch và Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam và quyết định ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp khác hiện có thuộc Bộ.

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, trừ các đơn vị quy định tại các Khoản 20, 21 và 22 Điều này.

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường được tổ chức 03 phòng; Vụ Kế hoạch, Tài chính được tổ chức 06 phòng; Vụ Tổ chức cán bộ được tổ chức 03 phòng; Vụ Pháp chế được tổ chức 03 phòng.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 9 năm 2013.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này.

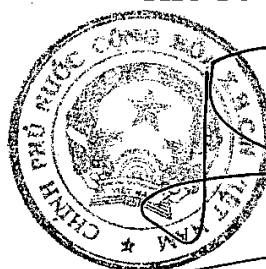
Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b). *xh 300*

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng